

Số 26/BC-THCSQT

Hồng Bàng, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2475/SGDDT- GDTrH ngày 16/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Lịch chỉ đạo thực hiện chương trình Giáo dục Trung học năm học 2024-2025; Công văn số 439/GDDT ngày 30/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hồng Bàng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Trung học cơ sở năm học 2024-2025;

Trường THCS Quán Toan báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Quán Toan
- Địa chỉ: Tổ dân phố Quán Toan 1- phường Quán Toan- quận Hồng Bàng, Hải Phòng.
 - Điện thoại: 0225 3850 203.
 - Địa chỉ thư điện tử: thesquantoan@hongbang.edu.vn
 - Cổng thông tin điện tử: <https://thesquantoan.haiphong.edu.vn>
 - Trang thông tin điện tử:

<https://www.facebook.com/profile.php?id=100043063373051>

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

- Loại hình: Công lập.
- Cơ quan chủ quản: UBND quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở các phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, có chất lượng cao. Mỗi học sinh tự rèn luyện, phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và có cơ hội phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng trường THCS Quán Toan thành trường trọng điểm của khu vực phía Tây của Quận Hồng Bàng về môi trường học tập, về chất lượng giáo dục, học sinh

khỏe mạnh về thể chất, phong phú về tâm hồn, bản lĩnh và trí tuệ, đáp ứng quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Đến năm 2030, trường THCS Quán Toan có cơ sở vật chất hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ Công nghệ thông tin vào quản lý, giảng dạy và học tập; là địa chỉ tin cậy của nhân dân và học sinh.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất hiện đại theo mô hình trường học thông minh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường THCS Quán Toan được thành lập năm 1979, tiền thân là trường cấp 1,2 Quán Toan, đóng trên địa bàn phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Những ngày đầu mới thành lập, trường còn đơn sơ, chưa có đủ phòng học, bàn ghế cho học sinh. Trong giai đoạn khó khăn chung của cả nước, các thầy cô giáo của trường đã rất vất vả khi vừa dạy, vừa cùng các em học sinh vun vén, xây dựng khuôn viên trường. Từ những hố bom, mương rãnh còn hoang tàn, sau vài năm thành lập, trường đã có vườn cây, ao cá, một dãy trường học hai tầng lát đá hoa và khu nhà Ban giám hiệu nhỏ... Mặc dù theo thời gian, nét rêu phong đã phủ trên mỗi bức ảnh nhưng so với bây giờ, trường THCS Quán Toan đã là một trường thị trấn phát triển trong khu vực. Dần dần, các khu vườn cây rậm rạp phía đông của trường đã dần được thay thế bởi khu phòng học 3 tầng khang trang, ngày nay là khu phòng học bộ môn của các em.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, với công sức của rất nhiều thế hệ nhà giáo và sự góp sức của các thế hệ học sinh, trường THCS Quán Toan đã trở thành điểm sáng của ngành Giáo dục và Đào tạo quận Hồng Bàng và đang phấn đấu trở thành một trong những trường trọng điểm của cửa ngõ phía Tây thành phố, là trung tâm văn hóa thể thao của địa phương. Ngày 30/6/2021, nhà trường vinh dự được công nhận là trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Ngôi trường không chỉ có đầy đủ cơ sở vật chất mà còn khang trang, hiện đại bậc nhất so với khu vực. Cảnh quan nhà trường từng bước được quy hoạch và chăm chút

xanh mát, tươi đẹp, sạch sẽ. Các thể hệ giáo viên giỏi chuyên môn nghiệp vụ đã xây dựng nên bề dày thành tích, trong đó phải kể đến các công tác học sinh giỏi, công tác thi vào 10 luôn giữ ở vị trí thứ 2, thứ 3 toàn quận.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm đặc biệt của các cấp lãnh đạo, sự đồng thuận của phụ huynh học sinh, sự tâm huyết sáng tạo của các thể hệ nhà giáo, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được nâng cao: học sinh giỏi các cấp có đồng đều ở các giải văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; Tỷ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 luôn đứng thứ nhất khu vực; có nhiều học sinh đỗ vào trường chuyên Trần Phú; nhiều năm học liên tiếp có học sinh đỗ Thủ khoa, Á khoa trong kì thi vào 10 THPT. Các học sinh tiêu biểu phải kể đến như:

Chị Trịnh Thị Hạnh An (1998) là thủ khoa THPT An Dương, được học bổng toàn phần của Đại học ở Mỹ, từng đạt giải nhất cuộc thi viết luận bằng tiếng Anh quốc tế trong cuộc thi "Việt Nam trong liên hợp quốc"

Anh Quách Tuấn Anh, Nguyễn Tự Anh Tuấn, Trần Hữu Minh; chị Nguyễn Chi Mai, Nguyễn Thị Quỳnh, Trần Hương Thảo, Trương Yến Nhi là những Thủ khoa, Á khoa các trong kì thi vào 10 các trường THPT, có giải học sinh giỏi và đạt điểm rất cao khi thi vào THPT Trần Phú.

Nhiều cựu học sinh THCS Quán Toan đã thành đạt ở nhiều lĩnh vực, có vị thế cao trong xã hội và vẫn luôn hướng về nhà trường, hướng về các em như:

Chị Đặng Lam Giang, tiến sĩ Hàn ngữ; Hiệu trưởng Trung tâm giáo dục YM Education; cố vấn cao cấp bộ môn tiếng Hàn.

Anh Lê Trí Vũ, Ủy viên Ban thường vụ Thành ủy; trưởng ban dân vận Thành ủy Hải Phòng.

Chị Lê Thị Vân, Ủy viên thường vụ quận ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân quận Hồng Bàng.

Anh Nguyễn Hải Anh, giám đốc công ty CNTD, tập đoàn VNPT.

Anh Nguyễn Công Huy, giám đốc công ty CP dịch vụ bảo vệ an ninh châu Á.

Và nhiều lắm các gương mặt thành đạt không thể kể hết nhưng không thể không kể đến cô giáo Phạm Thị Duyên, cựu học sinh, cũng là Hiệu trưởng trường THCS Quán Toan, người đang tiếp tục truyền thống nhà trường, ngày đêm chăm lo, xây dựng cho học sinh Quán Toan có một môi trường tốt nhất để học tập.

6. Thông tin người phát ngôn:

- Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hà. Chức vụ: Hiệu trưởng. Nơi làm việc: Trường THCS Quán Toan. Số điện thoại: 0914689782. Địa chỉ thư điện tử: thuha3010.ngt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023-2028 được công nhận theo theo Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của UBND quận Hồng Bàng.

Hội đồng trường gồm 11 thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ công tác hiện nay	Chức vụ Hội đồng trường
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Bí thư Chi bộ, vHiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Nguyễn Thị Chà	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng
3	Ông Trương Văn Hải	Chủ tịch Công đoàn	Phó CT Hội đồng
4	Ông Lê Bá Nhật	Bí thư Chi đoàn	Thư ký
5	Bà Trương Thị Tiếp	Tổng phụ trách	Thành viên
6	Bà Lê Thị Nam Hải	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
7	Bà Buid Thị Thuận	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Bà Vũ Thị Lanh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
9	Bà Đoàn Thị Hoàn	Phó chủ tịch UBND phường	Thành viên
10	Ông Nguyễn Công Huy	Tr.B Đại diện CMHS	Thành viên
11	Em Nguyễn Thuch Quyên	Học sinh	Thành viên

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

*** Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thu Hà**

- Ngày tháng năm sinh: 30/10/1971

- Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Quán Toan từ ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng.

- Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 01 năm.

*** Phó hiệu trưởng: Đỗ Văn Khánh**

- Ngày tháng năm sinh: 11/10/1978.

- Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Quán Toan từ ngày 16 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng.

- Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 06 tháng.

*** Phó hiệu trưởng: Vũ Thị Yến**

- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1988

- Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Quán Toan theo quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng.

- Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 01 năm.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.3.1. Cơ chế hoạt động của trường THCS Quán Toan

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn;

phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, môi trường làm việc và học tập xanh - sạch - đẹp.

Trường THCS Quán Toan là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND quận Hồng Bàng.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.

- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: Chi bộ có 37 đảng viên
- + Tổ chức Công đoàn có 49 công đoàn viên.

7.4. Thành viên nhà trường

TT	Họ tên	Nhóm chức vụ	Điện thoại	Email	Vị trí việc làm
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Hiệu trưởng	0914689782	thuha3010.ngt@gmail.com	Cán bộ quản lý
2	Đỗ Văn Khánh	Phó hiệu trưởng	0902242420	dovankhanh796@gmail.com	Cán bộ quản lý
3	Vũ Thị Yên	Phó hiệu trưởng	0934334238	yenvt.hp2912@gmail.com	Cán bộ quản lý
4	Lê Thị Duyên	Tổ trưởng chuyên môn	0969059238	leduyenhpu@gmail.com	Giáo viên
5	Lê Thị Nam Hải	Tổ trưởng chuyên môn	0979850148	haihp1976@gmail.com	Giáo viên
6	Bùi Thị Thuận	Tổ trưởng chuyên môn	0988278795	thuanhpn01@gmail.com	Giáo viên
7	Nguyễn Thị Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	0914837386	thuynguyenquantoan@gmail.com	Giáo viên
8	Nguyễn Thị Hải	Tổ phó chuyên môn	0909869586	haianhoa123@gmail.com	Giáo viên
9	Nguyễn Thị Văn Hải	Tổ phó chuyên môn	0983246816	vanhai1979.vhn@gmail.com	Giáo viên
10	Vũ Thị Mai Hiền	Tổ phó chuyên môn	0857980823	vumaihien.thcsqt@gmail.com	Giáo viên
11	Nguyễn Thị Hồng	Tổ phó chuyên môn	0931512339	hongthcsquantoan@gmail.com	Giáo viên
12	Phạm Thị Kim Huệ	Tổ phó chuyên môn	0393091775	kimhuethcsquantoan@gmail.com	Giáo viên
13	Hoàng Thị Thu Huyền	Tổ phó chuyên môn	0904294155	hoanghuyen221188@gmail.com	Giáo viên
14	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Tổ phó chuyên môn	0353486869	thanhthuyk9@gmail.com	Giáo viên

TT	Họ tên	Nhóm chức vụ	Điện thoại	Email	Vị trí việc làm
15	Trần Thị Phương Thảo	Tổ phó chuyên môn	0779209102		Giáo viên
16	Đoàn Thị Hoàng Anh		0919225778	hoanganh.toan.qt@gmail.com	Giáo viên
17	Vũ Ngọc Anh		0332652178	ngocanhvu1297@gmail.com	Giáo viên
18	Đỗ Thị Ngọc Dung		0986346009	dangtrikhang2013@gmail.com	Giáo viên
19	Vũ Thị Dung		0985674209	dungvu710@gmail.com	Giáo viên
20	Trương Văn Hải		0906055815	qttruongducphong@gmail.com	Giáo viên
21	Bùi Thị Hằng		0943298555	buihang91hp@gmail.com	Giáo viên
22	Nguyễn Thị Hằng		0985779218	nguyenhangthcsqt@gmail.com	Giáo viên
23	Đỗ Thị Hạnh		0988252922	hanhthcsqt@gmail.com	Giáo viên
24	Vũ Thị Hảo		0987585087	haotimlai@gmail.com	Giáo viên
25	Đặng Thị Hiền		0948927288	hiendang250379@gmail.com	Giáo viên
26	Nguyễn Thị Minh Hồng		0795346887	nguyenminhhong3774@gmail.com	Giáo viên
27	Vũ Hữu Hưng		0981767212	vuhuuhung555@gmail.com	Giáo viên
28	Nguyễn Thị Huyền		0983206305	huyenhp31890@gmail.com	Giáo viên
29	Nguyễn Thị Thanh Huyền		0345322840	huyen.vn540@gmail.com	Giáo viên
30	Trần Thị Thu Huyền		0902093656	tranhuyenqt2079@gmail.com	Giáo viên
31	Nguyễn Ngọc Mai		0904460111	ngocmai.hpv@gmail.com	Giáo viên
32	Nguyễn Thị Thúy Mùi		0778396229	thuymui0411@gmail.com	Giáo viên
33	Vũ Thị Hằng Nga		0812150984	vungaqt012@gmail.com	Giáo viên
34	Bùi Thúy Nguyệt		0975031039	buithuynguyet9@gmail.com	Giáo viên
35	Trần Thị Ánh Nguyệt		0936729847	nguyet88lh@gmail.com	Giáo viên
36	Lê Bá Nhật		0839822899	lenhatqthb@gmail.com	Giáo viên
37	Nguyễn Đức Oánh		0985516256	nguyenducoanh020979@gmail.com	Giáo viên
38	Hoàng Thị Phương		0942824966	phuong27hp@gmail.com	Giáo viên

TT	Họ tên	Nhóm chức vụ	Điện thoại	Email	Vị trí việc làm
39	Vũ Thúy Quỳnh		0977508276	vuthuyquynh1124@gmail.com	Giáo viên
40	Nguyễn Thị Thanh		0387731039	thanhthienhp@gmail.com	Giáo viên
41	Phạm Thị Thu Thoa		0911120577	nguyenhongphuong239@gmail.com	Giáo viên
42	Nguyễn Thị Hoài Thu		0865091218	hoaithu2912@gmail.com	Giáo viên
43	Lê Thị Thúy		0357829657	lethithuyhp81@gmail.com	Giáo viên
44	Nguyễn Thị Thanh Thúy		0904402358	thuynguyenthanh0208thpt@gmail.com	Giáo viên
45	Trương Thị Tiệp		0935556186	bupsenhong1@gmail.com	Giáo viên
46	Nguyễn Thế Tuấn		0915026880	tuannnguyen9978@gmail.com	Giáo viên
47	Lê Thị Hải Yên		0973879948	leyenqttb@gmail.com	Giáo viên
48	Đỗ Thị Minh Hiền	Nhân viên kế toán	0943586985	dohien71@gmail.com	Nhân viên
49	Vũ Thị Lanh	Nhân viên thư viện	0934543283	lanhc2qt@gmail.com	Nhân viên

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Số biên chế được UBND quận Hồng Bàng giao năm 2024

Số biên chế được giao năm 2024: 48

Số biên chế hiện tại: 46

	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo			Ghi chú
			CD	ĐH	Th Sỹ	
Hiệu trưởng	01	01	0	01	0	
Phó Hiệu trưởng	02	01	0	02	0	
Giáo viên	43	38	1	35	07	Trong đó có 03 GVHD

2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập dùng chung

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /hs
I	Số phòng học	25	1,4 m²/hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	25	1,4m²/hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	10	0,4 m ² /hs
6	Số phòng học đa chức năng	1	0,3 m ² /hs
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/1 phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	47 hs/ lớp	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11908,4	11,2 m²/hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3500	3,3 m²/hs
VI	Tổng diện tích các phòng	3275	3,1m²/hs
1	Diện tích phòng học (m ²)	1664	1,56 m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	552	0,52 m ² /hs

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	92	0,09 m ² /hs
4	Diện tích nhà tập đa năng	325	0,31 m ² /hs
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	642	0,6 m ² /hs
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9 bộ	0,38 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị hiện có theo quy định	9 bộ	0,38 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	3 (02 cũ)	0,43
1.2	Khối lớp 7	2 (cũ)	0,3
1.3	Khối lớp 8	2 (cũ)	0,3
1.4	Khối lớp 9	2 (cũ)	0,3
1.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý	0	0
2	Tổng số thiết bị còn thiếu so với quy định	15	
2.1	Khối lớp 6	3	
2.2	Khối lớp 7	4	
2.3	Khối lớp 8	4	
2.4	Khối lớp 9	4	
2.5	Khu vườn sinh vật, (diện tích/thiết bị)	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập(bộ)	96	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung	109	
1	Ti vi	37	
2	Cát xét	05	
3	Đầu video/ đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu	02	
5	Máy soi	12	
6	Camera lưu động	0	

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /hs			
7	Camera cố định	48				
8	Màn hình thông minh	03				
9	Màn hình Led	02				
X	Tổng số thiết bị đang sử dụng	104				
1	Ti vi	37				
2	Cát xét	05				
3	Đầu video/ đầu đĩa	0				
4	Máy chiếu	02				
5	Máy soi	12				
6	Camera lưu động	0				
7	Camera cố định	48				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho HS		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	4	8/8	0,12m ² /hs	0,12/0,13
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XVI	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Trường đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 2 và Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 năm 2021.

- Diện tích: 11.908,4 m²

*Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tổng số phòng học	Phòng kiên cố	Phòng bán kiên cố	Phòng học tạm	Tỉ lệ phòng học trên lớp	Phòng chức năng	Phòng bộ môn	Sân chơi, bãi tập
26	26	0	0	1,13	18	10	02

**Phòng học, phòng chức năng*

TT	Tên phòng	Số lượng	TT	Tên phòng	Số lượng
1	Phòng học/số lớp	26/24	10	Hội trường	01
2	Bộ môn/Tổ	02	11	Truyền thống	01
3	BGH	02	12	Thư viện	04
4	Giáo viên	01	13	Tiếp dân + Bảo vệ	01
5	Văn phòng	01	14	Y tế	01
6	Phòng Kế toán	01	15	Thiết bị	01
7	Công đoàn	01	16	Kho	01
8	Đoàn đội	01	17	Phòng học bộ môn	10
9	Phòng tư vấn học đường	01	18	Nhà đa năng	01

**Công trình khác*

Nhà vệ sinh: có 03 khu nhà vệ sinh (02 dành cho học sinh, 01 dành cho giáo viên).

Nhà để xe: 01 giáo viên, 01 nhà để xe học sinh

Hệ thống cấp nước: nguồn nước máy, đảm bảo.

Hệ thống thoát nước: Đảm bảo.

Thiết bị phòng chống cháy nổ: Đảm bảo.

Công trình phụ trợ khác: 01 Nhà thể thao.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin theo khối lớp

TT	Khối	Số lớp	Tổng số HS	Bình quân HS/lớp	HS học 02 buổi/ngày	Nam	Nữ
1	6	248	41	0	131	117	248
2	7	316	45	0	163	153	316
3	8	282	47	0	149	133	282
4	9	213	43	0	104	109	213
Tổng quy mô		24	1059	44	0	547	512

2. Các đối tượng học sinh đặc biệt (toàn trường)

Nội dung	Số lượng	Nam	Nữ
Học sinh dân tộc thiểu số	5	3	2
Học sinh khuyết tật	7	5	2
Học sinh chuyển đến	2	0	2
Học sinh chuyển đi	4	2	2

3. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục

3.1. Kết quả rèn luyện

Khối lớp	Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
TOÀN TRƯỜNG	1059	954	90.08	100	9.44	5	0.47		
KHỐI 6	248	220	88.71	27	10.89	1	0.4		
KHỐI 7	316	284	89.87	32	10.13				
KHỐI 8	282	240	85.11	38	13.48	4	1.42		
KHỐI 9	213	210	98.59	3	1.41				

3.2. Kết quả học tập

Khối lớp	Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
TOÀN TRƯỜNG	1059	448	42.3	379	35.79	217	20.49	15	1.42
KHỐI 6	248	107	43.15	94	37.9	47	18.95		
KHỐI 7	316	115	36.39	136	43.04	62	19.62	3	0.95
KHỐI 8	282	100	35.46	97	34.4	73	25.89	12	4.26
KHỐI 9	213	126	59.15	52	24.41	35	16.43		

3.3. Danh hiệu

Khối lớp	Tổng số HS	Danh hiệu			
		HSXS		HSG	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)
TOÀN TRƯỜNG	1059	98	9.25	348	32.86
KHỐI 6	248	19	7.66	88	35.48
KHỐI 7	316	26	8.23	89	28.16
KHỐI 8	282	18	6.38	80	28.37
KHỐI 9	213	35	16.43	91	42.72

3.4. Học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Khối lớp	Tổng số HS	Lên lớp		Lưu ban		Thi lại		Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)			
TOÀN TRƯỞNG	1059	1044	98.58	0	0	15	1.42	18	19	1
KHỐI 6	248	248	100	0	0	0	0	4	0	0
KHỐI 7	316	313	99.05	0	0	3	0.95	6	10	0
KHỐI 8	282	270	95.74	0	0	12	4.26	5	7	0
KHỐI 9	213	213	100	0	0	0	0	3	2	1

3.5. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, cấp bằng tốt nghiệp

STT	Nội dung	TỔNG SỐ	CHIA RA THEO KHỐI LỚP			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình	213	0	0	0	213
2	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	213	0	0	0	213
3	Số học sinh thi trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

4. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không thực hiện

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Biểu 1: Quyết toán thu - Chi ngân sách năm 2024

TT	Nội dung	Dự toán
A	Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0
	- Dự toán được giao trong năm	8,474,144,472
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6,556,240,621
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1,917,903,851
	+ Kinh phí giảm trong năm	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	8,474,144,472
	- Kinh phí quyết toán	8,472,266,349

TT	Nội dung	Dự toán
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	1,878,123
	+ Kinh phí đã nhận	0
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	1,878,123
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0
	Dự toán được giao trong năm	3,688,551,095
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	2,868,562,095
	+ Dự toán bổ sung trong năm	819,989,000
	+ Kinh phí giảm trong năm	117,268,553
	- Kinh phí thực nhận trong năm	3,688,551,095
	- Kinh phí quyết toán	3,571,282,542
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm	0
	+ Kinh phí đã nhận	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	

2. Biểu 2 : Các khoản thu, chi ngoài ngân sách và khoản thu hộ, chi hộ

TT	Nội dung	Số tiền
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	96,980,880
1.2	Mức thu	
1.3	Tổng số thu trong năm	482,494,000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	579,474,880
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	579,474,880
1.6	Số chi trong năm	534,422,150
	Trong đó:	
	- Bổ sung chi lương	437,441,270
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	57,074,040
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	39,662,640
	- Chi khác	244,200
1.7	Số dư cuối năm	45,052,730
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	
2.1	Dạy thêm học thêm	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	52,701,471
2.1.2	Mức thu: 12,000đ/tiết	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	4,744,728,000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	4,797,429,471

TT	Nội dung	Số tiền
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	4,797,429,471
2.1.6	Số chi trong năm	4,702,390,920
	Trong đó:	3,254,883,408
	- Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, các hoạt động khác	337,895,340
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	638,657,612
	- Chi phúc lợi	376,060,000
	- Nộp 2% thuế TNDN	94,894,560
2.1.7	Số dư cuối năm	95,038,551
2.2	Học nghề tin	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	5,020,600
2.1.2	Mức thu	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	0
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	5,020,600
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	5,020,600
2.1.6	Số chi trong năm	5,020,600
	Trong đó: - 100% hỗ trợ CSVN, hoạt động dạy tin học	5,020,600
2.1.7	Số dư cuối năm	0
3	Tài trợ giáo dục	
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	170,000
3.2	Tổng số thu trong năm	487,950,000
3.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	488,120,000
3.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	488,120,000
3.5	Số chi trong năm	488,120,000
	Mua màn hình tương tác 80 inch (01 chiếc)	85,240,000
	Mua màn hình tương tác 75 inch (02 chiếc)	136,700,000
	Tivi TCL 75 inch + phụ kiện	18,250,000
	Máy tính bảng 20 chiếc	230,000,000
	Tủ sạc dây HDMI, ổ nổi	13,610,000
	Phí thẩm định giá	4,320,000
3.6	Số dư cuối năm	0
4	Dịch vụ trông giữ xe	
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	6,453,000
4.2	Mức thu 30.000đ/1 HS/1 xe	
4.3	Tổng số thu trong năm	123,760,000

TT	Nội dung	Số tiền
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	130,213,000
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	130,213,000
4.6	Số chi trong năm	125,525,000
	Trong đó:	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	12,376,000
	- Chi cho người tham gia	93,840,000
	- Chi khác	19,309,000
4.1.7	Số dư cuối năm	4,688,000
5	Giáo dục Stem	
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	14,409,381
5.2	Mức thu: 32.500đ/HS/tiết	
5.3	Tổng số thu trong năm	416,562,500
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	430,971,881
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	430,971,881
5.6	Số chi trong năm	400,668,929
	Trong đó: - Chi cho GV dạy	364,181,250
	- Chi quản lý tại trường	10,900,000
	- Chi chuyên môn, CSVC	24,561,000
	- 2% nộp thuế TNDN	1,026,679
	- Chi phúc lợi TT	
5.7	Số dư cuối năm	30,302,952
6	Các khoản thu khác	
6.1	Bảo hiểm y tế học sinh	
6.1.1	Số học sinh: 999 hs	
6.1.2	Mức thu: 884.520đ/hs/ năm	
6.1.3	Tổng thu	883,435,680
6.1.4	Đã chi	883,435,680
6.1.5	Dư	0
6.2	Vòng tay bè bạn (quỹ kế hoạch nhỏ)	
6.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	1,694,000
6.2.2	Số học sinh: 1060 hs	
6.2.3	Mức thu: 15.000đ/1 HS/kỳ	
6.2.4	Tổng thu	31,170,000
6.2.5	Đã chi	30,060,000
6.2.6	Dư	2,804,000
6.3	Nước uống học sinh	
6.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	9,716,000
6.3.2	Số học sinh: 1.060 hs	
6.3.3	Mức thu: 10.000đ/hs/tháng	
6.3.4	Tổng thu	93,440,000
6.3.5	Đã chi	103,156,000
6.3.6	Dư	0
6.4	Chăm sóc SKBDHS	
6.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	5,296,548

TT	Nội dung	Số tiền
6.4.2	Số học sinh:	
6.4.3	Mức thu: BHXH cấp trích KP CSSKBD năm 2024	
6.4.4	Tổng thu	86,378,712
6.4.5	Đã chi	47,130,007
6.4.6	Dư	44,545,253

3. Biểu 3: Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

TT	Nội dung	Số tiền
1	Miễn - giảm học phí năm học 2024 - 2025	
1.1	Số học sinh được miễn giảm 7 HS	
1.2	Tổng số thu trong năm	3,220,000
1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3,220,000
1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	3,220,000
1.5	Dư	0
2	Chi phí học tập năm học 2024 - 2025	
2.1	Số học sinh được cấp CPHT 7 học sinh	
2.2	Tổng số cấp trong năm	9,450,000
2.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	9,450,000
2.4	Đã chi	9,450,000
2.5	Dư	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác Học sinh giỏi: Tổng 281 giải, trong đó:

* Kết quả thi cấp thành phố

- Tổng số giải HSG văn hóa cấp thành phố: 5 giải, trong đó 01 giải Nhì môn Tin học, 01 giải Ba môn GDCD, 03 giải Khuyến khích môn Văn, Toán, Mỹ thuật.
- Giải Tin học trẻ thành phố: 01 giải Ba
- Giải Thiếu nhi dẫn chương trình thành phố: 02 giải, trong đó: 01 giải Nhì, 01 giải Ba.
- Giải Robotacon khu vực phía Bắc: 02 giải, trong đó: 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích.
- Giải Thầy cô trong mắt em thành phố: 01 giải B

* Kết quả thi cấp quận

- Tổng số giải HSG văn hóa cấp quận: 40 giải, trong đó: giải nhất: 01, giải nhì: 01, giải ba: 15, giải khuyến khích: 23).
- Tin học trẻ: 01 giải Xuất sắc
- Hội thi sơn ca: 02 giải Ba
- Múa nghệ thuật: 01 giải Nhì
- Thiếu nhi HB vẽ tranh sách báo năm 2025: 01 giải Khuyến khích
- Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật: 02 giải, trong đó: 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích

* Kết quả thi Toán hội nhập: tổng 193 huy chương, trong đó:

- Toán Simso cấp quốc gia: 49 huy chương, trong đó: 20 HCV, 21 HCB, 8 HCD
- Toán AMC Úc: 3 giải Distinction (HCD)

- Toán BBB:

+ Cấp quốc tế: 01 HCD

+ Cấp quốc gia: 34 huy chương, trong đó: 11 HCV, 15 HCB, 8 HCD

- Toán Timo: 68 huy chương, trong đó: 12 HCV, 22 HCB, 34 HCD

- Toán HKIMO: 37 huy chương, trong đó: 18 HCV, 11 HCB, 8 HCD

- Toán Sasmo: 01 HCB

* **Kết quả thi KHTN- Hóa học hội nhập:**

- Cuộc thi Olympic KHTN - Hóa học: đạt 22 huy chương, trong đó: 6 HCV, 7HCB, 9 HCD

- Cuộc thi Khoa học tự nhiên HKISO quốc gia: 2 HCD

* **Kết quả thi Tin học HKICO:** 01 HC vàng cấp quốc gia

* **Kết quả thi Tiếng Hàn:**

- Cuộc thi nói tiếng Hàn Quốc Cúp Đại sứ 2024 Quốc gia: 01 giải Khuyến khích

- Cuộc thi Olympic tiếng Hàn trên Internet (IOK): 04 giải, trong đó: 01 giải Xuất sắc, 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba.

* **Kết quả thi đấu trường Vioedu Toán học cấp thành phố:** 08 giải, trong đó 01 giải Bạc, 07 giải Khuyến khích

2. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ 2, tin học, hợp tác quốc tế trong các cơ sở giáo dục trung học.

2.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2023-2024.

a. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ 2 Tiếng Hàn

- Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục làm việc với Phòng Giáo dục tiếng Hàn Quốc ở nước ngoài tại Việt Nam: tiếp nhận 01 giáo viên người Việt trình độ Đại học tiếng Hàn và 01 giáo viên là người Hàn Quốc để giảng dạy miễn phí cho 08 lớp học tiếng Hàn là môn học Tự chọn ngoại ngữ 2 với tổng số 385 HS.

- Kết quả dạy - học môn Tiếng Hàn:

+ Cuộc thi nói tiếng Hàn Quốc Cúp Đại sứ 2024 Quốc gia: 01 giải Khuyến khích.

+ Cuộc thi Olympic tiếng Hàn trên Internet (IOK): 04 giải, trong đó: 01 giải Xuất sắc, 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba.

b. Tổ chức học Tin học

- 100% CB, GV, NV tự bồi dưỡng và có chứng chỉ Tin học văn phòng cơ bản.

- 01 đồng chí CBQL, 01 GV tham gia tập huấn sử dụng các phần mềm tin học.

- Có 01 phòng Tin học với 42 máy vi tính.

- Kết quả:

+Tin học: 01 giải Ba cấp Quận, 01 giải Nhì cấp Thành phố

+ Tin học trẻ: 01 giải Xuất sắc cấp Quận, 01 giải Ba cấp Thành phố

+ Tin học HKICO: 01 HC vàng cấp quốc gia

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc học tiếng Hàn Quốc với giáo viên là người Hàn còn hạn chế. Số lượng tiết học được học trực tiếp giáo viên Hàn Quốc còn ít (01 tiết /tuần)

- Số máy tính để HS học môn Tin còn ít (42 máy), trong đó số mỗi lớp từ 40 - 50 học sinh.

3. Kết quả thực hiện giáo dục STEM, hoạt động NCKH: Công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá, kết quả đạt được

3.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2023 - 2024

a. Giáo dục STEM

- Thực hiện nghiêm túc Công văn số 2575/SGDDĐT-GDTrH ngày 26/8/2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM trong nhà trường THCS và THPT năm học 2024 - 2025. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch Số 33/KH-THCSQT ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc Triển khai thực hiện giáo dục STEM trong nhà trường năm học 2024-2025, Kế hoạch số 34/KH-THCSQT ngày 05/9/2024, kế hoạch tiếp tục triển khai thí điểm chương trình giáo dục Stem theo mô hình không gian sáng chế của KDI EDUCATION đã được PGD và ĐT phê duyệt.

- Thành lập các câu lạc bộ STEM ở các lớp học: 06 lớp với 150 học sinh tham gia.(tăng 03 lớp so với năm học 2023 – 2024)

- Tổ chức làm sản phẩm STEM trong các môn học.

- Giáo viên nhà trường tích cực tham gia cuộc thi Thiết bị dạy học số cấp quận có 6 sản phẩm dự thi cấp Quận và đạt 05 giải: 01 giải Xuất sắc, 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba và 01 giải Khuyến khích. Nhà trường được nhận giấy khen của UBND Quận có thành tích tốt trong việc ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

*** Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Các tiết học theo định hướng giáo dục Stem còn hạn chế do điều kiện mới có 01 phòng học STEM.

b. Hoạt động NCKH

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai tới giáo viên, học sinh và CMHS. Hoạt động NCKH được CMHS và HS tham gia khá tích cực. Nhà trường có 02 sản phẩm dự thi quận.

*** Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Hoạt động NCKH, số lượng và chất lượng sản phẩm dự thi chưa cao vì CMHS và giáo viên chưa có sự hợp tác chặt chẽ, tư duy học sinh cũng có hạn.

4. Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể; tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; an toàn giao thông; Công tác Đoàn, Đội trong nhà trường.

*** Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2023 - 2024**

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh toàn trường được nhà trường đặc biệt quan tâm, thực hiện thường xuyên thông qua các hoạt động tập thể, các giờ dạy trên lớp, cụ thể:

+ Tổ chức các buổi giáo dục tuyên truyền trong học sinh: tuyên truyền kiến thức, kỹ năng về thuốc lá điện tử và tác hại của thuốc lá điện tử; truyền thông về nguy cơ tương tác trên mạng; tuyên truyền về phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, giáo viên, học sinh; truyền thông về Quyền trẻ em; tuyên truyền về kỹ năng chăm sóc sức khỏe răng miệng; kết hợp cùng Viện mắt Hải Phòng khám, tư vấn miễn phí cho học sinh toàn trường.

+ Tham gia các hoạt động tình nguyện: Chương trình Tình nguyện mùa đông ủng hộ được 5,7000,000 đồng và 115 đôi tất, 11 đôi găng tay, 5 chiếc mũ, 3 gói bánh, 2 vỉ sữa; Tham gia phong trào ủng hộ Tết nhân ái xuân Ất Tỵ với tổng số tiền 24.606.000 đồng; Tham gia phong trào “Góp những đồng tiền nhỏ vì nghĩa tình lớn – Tặng quà đầu xuân giúp bạn nghèo vượt khó và nạn nhân chất độc màu da cam” 24/24 lớp tham gia với tổng số tiền 31.000.000 đồng; Tham gia phong trào ủng hộ đồng bào và trường học bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 cho làng Nủ và huyện Cát Hải với tổng số tiền ủng hộ trên

83.000.000 đồng; Tham gia hoạt động mua tấm tre nhân đạo ủng hộ trường khiếm thị thành phố với số lượng 1090 gói tấm.

+ Tham gia tích cực các sân chơi, các phong trào: Tổ chức hội diễn văn nghệ “Tri ân người khai sáng” chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam gắn liền với chủ đề “Tôn sư trọng đạo” với kết quả: 01 giải Xuất sắc, 03 giải Nhất, 03 giải Nhì, 03 giải Ba; Tham gia hội thi Thiếu nhi dẫn chương trình do Cung Văn hóa tổ chức đạt giải Nhì: 01, giải Ba: 01; Tham gia hội thi múa nghệ thuật đạt 01 giải Nhì cấp quận; Tham gia cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 54 năm 2025 với tổng số bài 865 bài trong đó bài thi chất lượng tham gia dự thi 165 bài thi; Tham gia cuộc thi Suy tập và tìm hiểu Tem Bưu chính năm 2025 chủ đề “50 năm Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước qua con tem bưu chính” với 40 bài thi chất lượng; Tham gia hội thi Sơn ca cấp quận với 02 giải Ba; Tham gia cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật” lần II năm 2025 dành 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích cấp quận; Tham gia cuộc thi Thiếu nhi Hồng Bàng vẽ tranh theo Sách, Báo năm 2025 đạt 01 giải Khuyến khích cấp quận; Tham gia chương trình giao lưu văn hóa và giáo dục Việt Nam – Hàn Quốc; Tham gia cuộc thi “Thầy cô trong mắt em” của Công đoàn ngành GD thành phố, em Bùi Minh Hằng, Nguyễn Gia Bảo lớp 7A2 kết quả đạt: giải B.

+ Các môn học đã đưa nội dung tích hợp, lồng ghép như nhận biết các hành vi ô nhiễm, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai, nắm vững chính sách pháp luật, khôi phục và phát huy truyền thống yêu thiên nhiên, nếp sống gần gũi gắn bó với môi trường... vào từng bài học.

*** Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Số tiết dạy lồng ghép giáo dục quốc phòng còn hạn chế do nguồn tư liệu và thiết bị dạy học đáp ứng CTGD PT 2018 còn thiếu.

5. Tình hình thực hiện chuyển đổi số trong các đơn vị: Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, tình hình sử dụng phần mềm quản lý chuyên môn điện tử trong các nhà trường; các giải pháp chuyển đổi số của đơn vị trong công tác chuyên môn

5.1. Kết quả thực hiện đạt được

- Thực hiện nghiêm túc Công văn số 2518/SGDDT-VP ngày 15/9/2023 của SGD&ĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục năm 2024-2025; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 06/02/2024 về Chuyển đổi số quận Hồng Bàng năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-GDDT ngày 23/2/2024 của PGD&ĐT Hồng Bàng về việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành giáo dục quận Hồng Bàng năm 2024;

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 31/KH-THCSQT ngày 05/9/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của trường THCS Quán Toan năm học 2024-2025.

+ Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy:

- Cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số trong nhà trường: Nhà trường có 2 đường truyền cáp quang của VNPT và Viettel, wifi tốc độ 80mb/s phủ sóng toàn trường. Có 26 phòng học được trang bị màn hình tivi kết nối internet, có máy soi, camera; 01 phòng giáo dục STEM được trang bị đầy đủ thiết bị theo chuẩn; 01 phòng văn hóa Hàn Quốc được trang bị tivi 75 inch, máy tính kết nối internet; 01 phòng tin học 42 máy tính hoạt động tốt, tivi 65 inch kết nối internet; các phòng bộ môn: Tiếng

Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật, KHTN, Công nghệ... và các phòng chức năng đều được trang bị máy tính kết nối mạng internet.

- Nguồn nhân lực phục vụ công tác chuyển đổi số: 100% CBGVNV sử dụng thành thạo tin học cơ bản; có 01 GV trình độ Đại học, 02 GV trình độ cao đẳng Tin học có thể thực hiện chuyên sâu về CNTT đáp ứng yêu cầu việc CDS trong giáo dục.

+ Tình hình sử dụng phần mềm quản lý chuyên môn điện tử trong các nhà trường:

- Đã thực hiện chữ kí số: Dịch vụ công đối với kho bạc Nhà nước, kí thuế, bảo hiểm, đấu thầu, Hpnet, Kế hoạch bài dạy, sổ điểm, học bạ điện tử.

- Thanh toán không dùng tiền mặt: nước uống, gửi xe, DTHT, học tiếng Hàn, Bảo hiểm y tế, Stem, chi lương, học thêm, khen thưởng...

- Cơ sở dữ liệu: Cập nhật thường xuyên, kịp thời thông tin CBGVNV, HS, quản lý điểm theo đúng quy định.

- Cổng thông tin điện tử: Cập nhật thường xuyên các thông tin, hình ảnh hoạt động của nhà trường. Nguồn tài nguyên trên Cổng thông tin điện tử phong phú, đa dạng, cập nhật thường xuyên.

- Sử dụng trang fanpage: nhà trường sử dụng hiệu quả các ứng dụng Zalo, facebook trong việc truyền thông các hoạt động giáo dục của nhà trường đến nhân dân và cha mẹ học sinh, trong chỉ đạo điều hành các hoạt động của nhà trường và trao đổi thông tin với cha mẹ học sinh, học sinh.

- Giáo viên tích cực sử dụng thường xuyên tích hợp các phần mềm hỗ trợ công tác giảng dạy như: Powerpoint, Canva, Thí nghiệm ảo mô phỏng 3D, Google form, Google meet, Azota, Quizzi, App ôn luyện, Youngmix, Bee class, Padlet, ...

- Nhà trường tiếp tục triển khai và tăng cường các giải pháp chuyển đổi số trong công tác chuyên môn:

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành chuyên môn

+ Tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến

+ Xây dựng và khai thác học liệu số

+ Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn qua môi trường số

+ Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ mới trong giảng dạy

+ Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn qua nền tảng trực tuyến

- Nhà trường tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của Bộ giáo dục và Đào tạo: Chuyển đổi số trong dạy học: Đạt mức độ 2; Chuyển đổi số trong quản lý CSGD: Đạt mức độ 3.



Nguyễn Thị Thu Hà

